

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH ĐÀO TẠO: BÁC SĨ THÚ Y**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

TY03003: BỆNH NỘI KHOA THÚ Y II (VETERINARY INTERNAL MEDICINE II)

**I. Thông tin về học phần**

- o Học kì: 7
- o Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ: 2TC (Lý thuyết: 1,5TC - Thực hành: 0,5TC - Tự học: 6TC)**
- o Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập
  - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
  - + Thực hành trong phòng thí nghiệm/trong nhà lưới: 8 tiết
- o Tự học: 90 tiết
- o Đơn vị phụ trách:
  - Bộ môn: Nội- Chẩn- Dược
  - Khoa: Thú y
- o Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương		Cơ sở ngành		Chuyên ngành X	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>

- o Học phần tiên quyết: TY03002 (Bệnh nội khoa Thú y 1)
- o Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh  Tiếng Việt

**II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo mà học phần đáp ứng**

\* Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
<b>Kiến thức chuyên môn</b>	
<b>CDR3.</b> Áp dụng kiến thức thú y vào việc chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi một cách hiệu quả.	3.1: Theo dõi sức khỏe vật nuôi
<b>CDR4.</b> Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, các quy trình phòng chống dịch bệnh cho động vật theo các tiêu chuẩn quy định.	4.1: Thiết kế các chương trình chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi
<b>Kỹ năng chung</b>	
<b>CDR5.</b> Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo, phương pháp suy luận dựa trên bằng chứng vào giải quyết các vấn đề của ngành thú y một cách	5.2: Thể hiện khả năng phản biện trong phân tích, đánh giá lập luận

<b>Chuẩn đầu ra của CTĐT</b> Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	<b>Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</b>
hiệu quả.	
<b>Kỹ năng chuyên môn</b>	
<b>CĐR8. Thực hiện thành thạo</b> các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi, phòng chống dịch bệnh cho động vật.	8.1: Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng và phi lâm sàng, các qui trình kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị bệnh cho vật nuôi nhằm góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng
<b>CĐR10. Sử dụng</b> thành thạo và hợp lý các trang thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật.	10.2: Sử dụng các trang thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán, phòng trị bệnh và quản lý dịch bệnh động vật đạt mục tiêu đề ra
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	
<b>CĐR13. Thực hiện trách nhiệm</b> bảo vệ môi trường, nâng cao sức khoẻ cho con người và thể hiện lòng yêu quý động vật.	13.2: Thể hiện lòng yêu quý động vật

### III. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của học phần

#### \* Mục tiêu:

- Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về về nguyên nhân, triệu chứng và các phương pháp phòng, điều trị bệnh thuộc hệ thống tiết niệu, hệ thống tạo máu, bệnh ở da, bệnh ở hệ thống thần kinh, bệnh do rối loạn trao đổi chất, bệnh ở già súc non và bệnh do trùng độc ở vật nuôi
- Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng nhận biết một số biểu hiện trúng độc ở vật nuôi bằng cách gây độc thực nghiệm. Từ đó đưa ra biện pháp phòng và điều trị bệnh.
- Học phần hình thành cho người học nhận thức rõ trách nhiệm và vai trò của người bác sĩ thú y.

#### \* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT					
		3.1	4.1	5.2	8.1	10.2	13.2
TY03003	Bệnh Nội khoa thú y 2	M	R	R	R	R	R

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>		
K1	Áp dụng các kiến thức về sinh lý để theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe của vật nuôi.	3.1
K2	Thiết kế các phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa cho vật nuôi	4.1
<b>Kỹ năng</b>		

K3	Vận dụng kiến thức về sinh lý bệnh trong phân tích, đánh giá lập luận để giải quyết vấn đề nội khoa một cách hiệu quả	5.2
K4	Thực hiện thành thạo các kỹ năng lâm sàng trong chẩn đoán ngộ độc ở gia cầm.	8.1
K5	Phối hợp sử dụng các trang thiết bị hiện đại của ngành thú y phục vụ công tác chẩn đoán bệnh nội khoa thuộc hệ thống tiết niệu, hệ thống tạo máu, da, thần kinh...	10.2
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
K6	Tuân thủ quy định của môn học và có trách nhiệm tôn trọng phúc lợi động vật	13.2

#### IV. Nội dung tóm tắt của học phần

Mã: TY03003. Tên học phần: Bệnh nội khoa II (Tổng số tín chỉ: 2TC. Tổng số tín chỉ lý thuyết: 1.5TC – Tổng số tín chỉ thực hành: 0.5TC – Tổng số tín chỉ tự học: 6 TC).

Học phần này gồm: nguyên nhân, triệu chứng và các phương pháp phòng, điều trị bệnh nội khoa ở hệ tiết niệu, hệ thần kinh, bệnh ở da, bệnh về rối loạn quá trình trao đổi chất, bệnh ở hệ tạo máu, bệnh ở gia súc non, trúng độc.

#### V. Phương pháp giảng dạy và học tập

##### 1. Phương pháp giảng dạy

Bảng 1: Phương pháp giảng dạy

KQHTMD PPGD	K1	K2	K3	K4	K5	K6
Thuyết giảng	X	X				
Giảng dạy thông qua thực hành			x	x	x	X

##### 2. Phương pháp học tập

- Dự giờ lý thuyết
- Sinh viên tự đọc giáo trình, tài liệu tham khảo trước khi đến lớp
- Tham gia thảo luận, trao đổi trên lớp
- Tham gia thực hành

#### VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia ít nhất 70% thời lượng môn học.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước nội dung tại giáo trình Bệnh Nội khoa gia súc (Phạm Ngọc Thạch, Chu Đức Thắng, Hồ Văn Nam, 2006) trước khi đến lớp học.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia đầy đủ các bài thực hành và sau khi kết thúc thực hành sẽ kiểm tra các kiến thức thực hành lâm sàng.
- Thi giữa kì: trong quá trình học lý thuyết sẽ có ít nhất 01 bài kiểm tra đột xuất thời gian từ 10 đến 30 phút (dạng bài tự luận) để lấy điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Thi cuối kì: Sinh viên dự thi hết môn theo hình thức thi tự luận sau khi hoàn thành các nội dung trên

#### VII. Đánh giá và cho điểm

##### 1. Thang điểm: 10

**2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric**

**3. Phương pháp đánh giá**

**Bảng 2. Ma trận đánh giá**

KQHTMD	K1	K2	K3	K4	K5	K6	Thời gian/tuần học
<b>Đánh giá quá trình</b>							
Rubric 1. Tham dự lớp (5%)							Theo lịch học lý thuyết của Học viện
Rubric 2. Đánh giá giữa kỳ bằng bài thi tự luận hoặc trắc nghiệm (10%)	X	x					Từ đầu đến giữa kỳ
Rubric 3. Đánh giá báo cáo chuyên đề semina (25%)	X	X	x	x	x	x	Theo lịch thực hành của Học viện
<b>Đánh giá cuối kì</b>							
Rubric 4. Thi cuối kì (60%)	X	x					Theo lịch thi của Học viện

**Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)**

Tiêu chí	Trọng số(%)	Tốt (8.0-10 điểm)	Khá (5.0-7.0 điểm)	Kém (0-4.9 điểm)
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động thảo luận > 5 lần/buổi	Có chú ý, tham gia thảo luận từ 3-5 lần/buổi	Không chú ý, không tham gia
Thời gian tham dự	50	SV tham gia 70% số buổi trở lên thì được đú 50%; vắng 1 buổi không lý do chính đáng bị trừ 10%.		

**Rubric 3: Đánh giá báo cáo chuyên đề semina**

Tiêu chí	Trọng số (%)	Mức chất lượng			
		Tốt 8.5-10 điểm	Khá 6.-8.4 điểm	Trung bình 4.0-6.4 điểm	Kém 0-3.9 điểm
Nội dung	50	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
Trình bày báo cáo	10	Mạch lạc, rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Tương đối ràng	Thiếu rõ ràng
	10	Dẫn dắt vấn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung	Trình bày không rõ ràng, người nghe không hiểu

			phục	quan trọng	được các nội dung quan trọng
Cấu trúc bài báo cáo	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện được sự kết nối trong nhóm

**Bảng 3. Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần dành cho kiểm tra giữa kì và thi cuối kì (hình thức thi tự luận)**

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện KQHTMĐ
K1: Áp dụng các kiến thức về đặc điểm sinh lý để theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe của vật nuôi	Chỉ báo 1: Áp dụng các đặc điểm sinh lý giải phẫu về hệ tiết niệu, hệ thần kinh, hệ tạo máu, da, trao đổi chất để theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe vật nuôi
K2: Thiết kế các phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa cho vật nuôi.	Chỉ báo 2: Thiết kế các phương pháp chẩn đoán bệnh nội khoa về hệ tiết niệu, hệ thần kinh, hệ tạo máu, bệnh ở da, bệnh do rối loạn trao đổi chất Chỉ báo 3: Thiết kế các phương pháp điều trị bệnh nội khoa về hệ tiết niệu, hệ thần kinh, hệ tạo máu, bệnh ở da, bệnh do rối loạn trao đổi chất

#### 4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Không tham gia đầy đủ các bài thực hành sẽ không đủ điều kiện để tham dự kỳ thi cuối kỳ
- Điểm thực hành dưới 2 điểm sẽ không đủ điều kiện tham dự kỳ thi cuối kỳ môn học đó
- Nhờ người đi học hộ sẽ không đủ điều kiện tham dự kỳ thi cuối kỳ
- Tham dự các bài thi: Không tham gia kiểm tra/thi bài nào sẽ mất điểm bài đó
- Yêu cầu về đạo đức: Mọi gian lận trong học tập (VD điểm danh hộ, đi thực hành hộ) và thi cử (VD sử dụng tài liệu/vật dụng không được phép, nhìn bài, trao đổi khi làm bài) sẽ bị xử lý theo quy chế chung.

### VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

\* *Sách giáo trình/Bài giảng: (Liệt kê ít nhất 1 giáo trình)*

- Phạm Ngọc Thạch, Chu Đức Thắng, Phạm Thị Lan Hương, Đàm Văn Phải (2022). **Bệnh Nội khoa gia súc**. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

\* *Tài liệu tham khảo khác: (Liệt kê ít nhất 3 tài liệu tham khảo)*

- Phạm Thị Lan Hương, Nguyễn Văn Thanh, Phạm Ngọc Thạch, Chu Đức Thắng. **Nghiên cứu một số chỉ tiêu huyết học ở chó mắc bệnh còi xương**. Tạp chí Khoa Học KTTV. Tập XXIII- số 8-2016.

- Phạm Thị Lan Hương, Nguyễn Văn Thanh, Phạm Ngọc Thạch. **Thực trạng bệnh còi xương trên chó tại một số tỉnh miền Bắc và thử nghiệm điều trị**. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. Tập 15- số 6- 2017.

- Pham Thi Lan Huong. **Application of X- Ray in diagnosis of canine rickets**. Journal of animal Husbandry Sciences and Technics. No 247 (Aug, 2019).

### IX. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1, 2	<p><b>Chương 5: Bệnh ở hệ tiết niệu</b></p> <p><b>A/ Các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</b>  <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)</b></p> <p>1.1. Bệnh viêm thận cấp tính          1.2. Bệnh thận cấp và mạn tính          1.3. Bệnh viêm bể thận          1.4. Bệnh viêm bàng quang          1.5. Bệnh viêm niệu đạo          1.6. Cuối niệu</p> <p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: ( 18 tiết)</b>          - Các bệnh ở hệ tiết niệu</p>	K1, K2
3	<p><b>Chương 6: Bệnh ở hệ thần kinh</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b>  <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</b></p> <p>2.1. Bệnh cảm nóng          2.2. Bệnh cảm nắng          2.3. Bệnh viêm màng não và não</p> <p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: ( 9 tiết)</b>          - Các bệnh ở hệ thần kinh</p>	K1, K2
	<p><b>Chương 7: Bệnh ở da</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</b>  <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (3 tiết)</b></p>	K1, K2

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
4	<p>3.1. Bệnh chàm da 3.2. Chứng nổi mẩn đay</p> <p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (9 tiết)</b> - Các bệnh về da</p>	
5	<p><b>Chương 8: Bệnh về rối loạn trao đổi chất</b></p> <p><b>A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (6 tiết)</b> <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (6 tiết)</b></p> <p>4.1. Bệnh còi xương 4.2. Bệnh mềm xương 4.3. Chứng xeton huyết 4.4. Chứng thiếu vitamin</p> <p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (18 tiết)</b> - Các bệnh về rối loạn trao đổi chất</p>	K1, K2
6	<p><b>Chương 9: Chứng thiếu máu</b></p> <p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</b> Chuyên đề: Khái niệm, phân loại, triệu chứng và biện pháp xử lý khi gia súc bị thiếu máu?</p>	
7	<p><b>Chương 10: Trúng độc</b></p> <p><b>A/ Các nội dung chính trên lớp: (12 tiết)</b> <b>Nội dung giảng dạy lý thuyết: (4 tiết)</b></p> <p>10.1. Khái niệm, cơ chế, triệu chứng trúng độc và nguyên lý giải độc 10.2. Trúng độc Cacbamid 10.3. Trúng độc muối 10.4. Trúng độc hợp chất photpho hữu cơ</p> <p><b>Nội dung giảng dạy thực hành/thực nghiệm: (8 tiết)</b></p> <p>Bài 1. Gây trúng độc thực nghiệm Strychnin, HCPPHC, muối ăn trên gia cầm</p> <p>Bài 2: Semina theo nhóm về các biểu hiện trúng độc bằng cách gây độc thực nghiệm trên gia cầm</p> <p>Bài 3: Chiếu hình ảnh</p> <p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (36 tiết)</b> - Trúng độc ở vật nuôi</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6
8	<p><b>Chương 11: Bệnh ở gia súc non</b></p> <p><b>B/ Các nội dung cần tự học ở nhà:</b></p> <p>11.1. Đặc điểm của gia súc non 11.2. Bệnh viêm ruột ở gia súc non 11.3. bệnh viêm phổi ở gia súc non</p>	

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phân
	11.4. Chứng suy dinh dưỡng	

**X. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành: có đủ không gian, thiết bị dụng cụ và vật tư tối thiểu cho việc dạy và học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có máy chiếu đa phương tiện, kết nối internet (LAN/wifi), hệ thống loa/micro và bảng viết (bút/phản). Tất cả đều phải được bảo trì thường xuyên và luôn trong điều kiện hoạt động tốt.
- Các phương tiện khác: bảng flipchart và giấy bút dùng cho việc báo cáo chuyên đề và thảo luận của sinh viên.
- Các nền tảng giảng dạy online: E-learning và Ms team

Hà Nội, ngày...15... tháng...8... năm...2022

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Lan Thúy

**KT. GIÁM ĐỐC**

(Ký và ghi rõ họ tên)



GS.TS. Phạm Văn Cường

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Văn Phan

**TRƯỞNG KHOA**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Riêng Nguyễn Anh Đào

Riêng Nguyễn Anh Đào

## PHỤ LỤC

### **THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

#### **Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên: Phạm Ngọc Thạch	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0989083017
Email: <a href="mailto:pnthach@vnua.edu.vn">pnthach@vnua.edu.vn</a>	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

#### **Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên: Chu Đức Thắng	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912223473
Email: <a href="mailto:cdthang@vnua.edu.vn">cdthang@vnua.edu.vn</a>	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

#### **Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên: Đàm Văn Phải	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0962591753
Email: <a href="mailto:dvphai@hua.edu.vn">dvphai@hua.edu.vn</a>	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

#### **Giảng viên phụ trách học phần**

Họ và tên: Phạm Thị Lan Hương	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0972362918
Email: <a href="mailto:huongsu0519@gmail.com">huongsu0519@gmail.com</a>	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

## BẢNG TÓM TẮT TƯƠNG THÍCH GIỮA KQHTMĐ, DẠY- HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

*Hướng dẫn: Giảng viên sử dụng ma trận phương pháp giảng dạy và đánh giá ở các mục 1. Phương pháp giảng dạy thuộc V. Phương pháp giảng dạy và học tập; mục 3. Phương pháp đánh giá thuộc VII. Đánh giá và cho điểm để đưa vào bảng tóm tắt thể hiện sự tương thích*

KQHTMĐ	K1	K2	K3	K4	K5	K6
<b>DẠY VÀ HỌC</b>						
Thuyết giảng	X	x				
Giảng dạy thông qua thực hành			X	x	X	x
<b>ĐÁNH GIÁ</b>						
Rubric 1. Tham dự lớp						
Rubric 2. Đánh giá giữa kỳ bằng bài thi tự luận hoặc trắc nghiệm	X	x				
Rubric 3. Đánh giá báo cáo chuyên đề semina	X	x	X	x	x	x
Rubric 4. Thi cuối kì (60%)	X	x				

## CÁC LẦN CẢI TIẾN ĐỀ CƯƠNG:

- Lần 1: 7/ 2018

*Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo*

- Lần 2: 7/ 2019

*Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo*

- Lần 3: 7/ 2020

*Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo*

- Lần 4: 7/ 2021

*Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo*

-Lần 5: 7/2022

*Rà soát cập nhật tài liệu tham khảo*